TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN P **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do –Hạnh phúc**
Số: 427/2023/QĐST-HNGĐ	*P, ngày 26 tháng 5 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN P

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 198/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Vũ Thị Ánh N, sinh năm 1994;
Thường trú: Thôn G, xã D, huyện L, tỉnh G.
Ông Tăng Hữu M, sinh năm 1985;
Thường trú:E.01, phường K, quận P, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị Ánh N và ông Tăng Hữu M thuận tình ly hôn.

[2] Về quan hệ con chung: Hai bên khai nhận quá trình chung sống có 01 con chung tên Tăng Gia K; giới tính: Nam; sinh ngày 22/9/2020. Khi ly hôn, hai bên thỏa thuận giao giao ông M trực tiếp nuôi dưỡng trẻ K, bà N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

[3] Về tài sản chung: Hai bên xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

[5] Về lệ phí Tòa án: Lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng do bà Vũ Thị Ánh N và ông Tăng Hữu M chịu, được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà bà N và ông M đã nộp theo Biên lai thu số AA/2022/0013666 ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận P, Thành phố H. Các bên đương sự đã nộp đủ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị Ánh N và ông Tăng Hữu M thuận tình ly hôn. Quan hệ hôn nhân chấm dứt theo Giấy Chứng nhận kết hôn số 37 ngày 28/5/2020 cấp tại

Ủy ban nhân dân phường Q, quận Đ, thành phố N kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Tăng Gia K; giới tính: Nam; Sinh ngày 22/9/2020. Khi ly hôn, hai bên thỏa thuận giao giao ông M trực tiếp nuôi dưỡng trẻ K, bà N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Trong trường hợp ông M không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, một trong hai bên hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

bà N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. ông M cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở một trong hai bên trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp bà N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì một trong hai bên có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông M, nếu bà N không thi hành nghĩa vụ cấp dưỡng thì còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh do chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

- Về tài sản chung: Hai bên xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng do bà Vũ Thị Ánh N và ông Tăng Hữu M chịu, được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà bà N và ông M đã nộp theo Biên lai thu số AA/2022/0013666 ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận P, Thành phố H. Các bên đương sự đã nộp đủ.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND Q. P;
- UBND phường Q, quận Đ, N.
- Chi cục THA.DS Q. P;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Huỳnh Ngọc Quyên